BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO MÙA

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIỆT VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2025

(Vụ Đông Xuân 2025-2026)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hiện nay, thượng nguồn lưu vực sông Mê Công đang bước vào thời kỳ lũ cuối vụ, mực nước ở các trạm đầu nguồn ĐBSCL và tổng lượng tích lũy vào Biển hồ đang tăng nhanh. Nguồn nước về Đồng bằng liên quan mật thiết đến các yếu tố: lượng trữ ở Biển hồ - TonleSap; lượng trữ ở các hồ chứa thượng lưu và nguồn nước trên dòng chính sông Mê Công. Các thông tin này được cập nhật dưới đây đến ngày 12/9/2025.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mực nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 12/9 ở cao trình 7,52m; hồ hiện đang trong giai đoạn tích nước, mực nước hồ hiện cao hơn so với trung bình nhiều năm 1,17m.

Dung tích hồ hiện hữu khoảng 35,9 tỷ m^3, cao hơn so với cùng thời kỳ TBNN khoảng 18,5 tỷ m^3, cao hơn năm 2024 và 2023 lần lượt là 9,3 tỷ m^3 và 14,1 tỷ m^3.

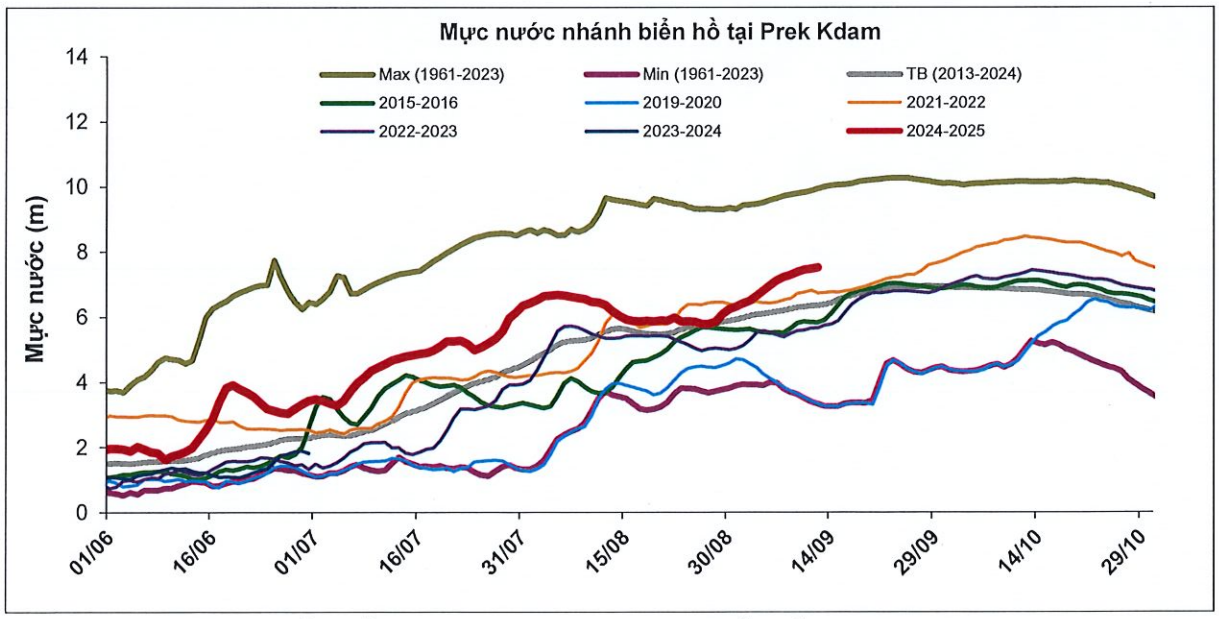

Hình 1: Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 12/9

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Diễn biến mực nước đến ngày 12/9/2025 tại trạm Chiang Saen và Kratie trên dòng chính sông Mê Công được đưa ra ở Hình 2 và Hình 3. Từ biểu đồ cho thấy, dòng chảy

giữa mùa lũ bằng hoặc cao hơn tương đối so với trung bình nhiều năm.

- Mực nước tại trạm Chiang Sean (Giáp với Trung Quốc, cách Việt Nam khoảng 2.209km) hiện tại ở mức 4,32m, thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 0,28m.

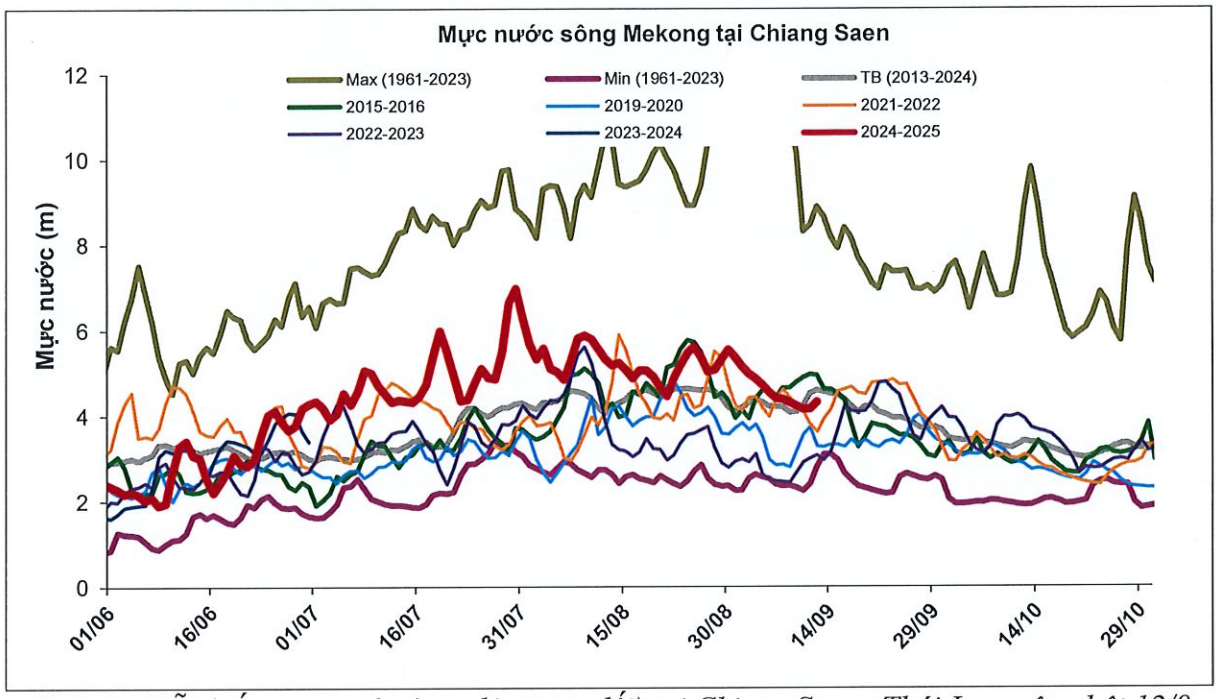

Hình 2: Diễn biến mực nước (cao độ tương đối) tại Chiang Saen –Thái Lan, cập nhật 12/9

- Tại trạm Kratie (đầu châu thổ Mê Công), mực nước cập nhật ngày 12/9 là 19,83m, tương đương với lưu lượng 38.191 m^3/s. Mực nước hiện tại cao hơn so với cùng kỳ TBNN khoảng 2,56m, cao hơn khoảng 2,59m so với cùng kỳ năm 2024.

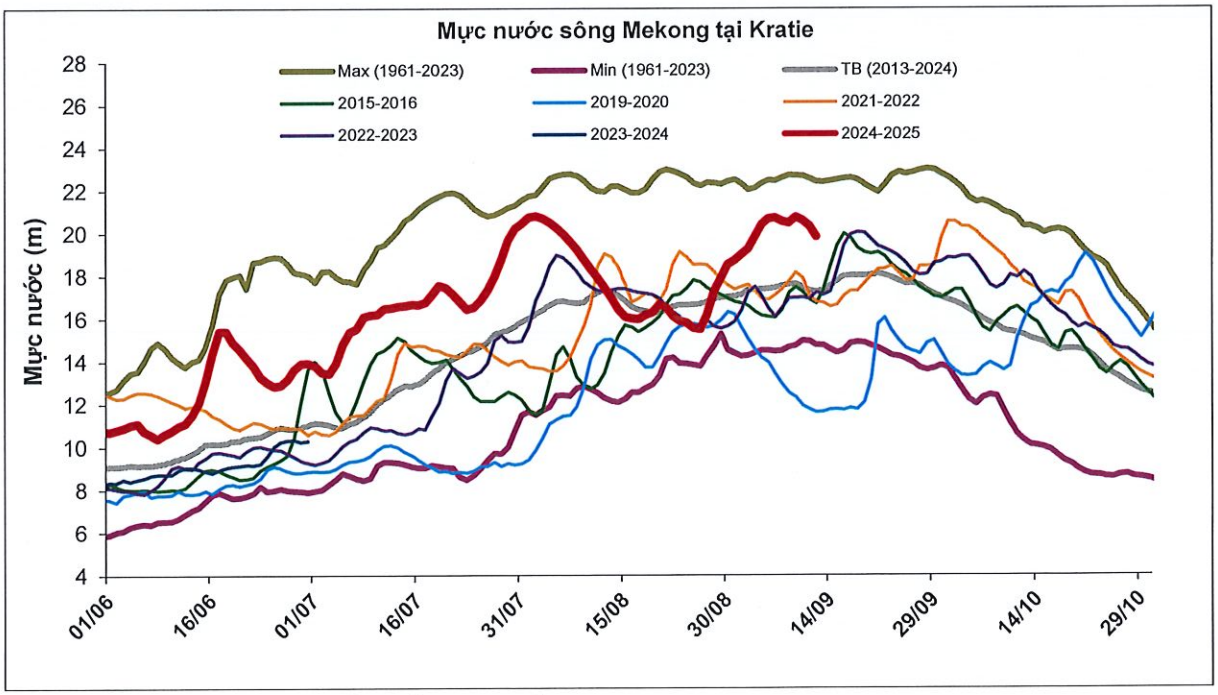

Hình 3: Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 12/9

- Mực nước lớn nhất đầu nguồn đồng bằng hiện cao hơn so với bình quân nhiều năm từ 2010 đến nay khoảng 0,66m đến 0,74m tại Châu Đốc và Tân Châu.

1.3. Dự báo mưa và trữ nước ở các hồ chứa thượng nguồn

Theo số liệu cập nhật của Viện Nghiên cứu Khí hậu và Xã hội toàn cầu (IRI), điều kiện khí hậu giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 10/2025 ESNO trung tính với khả năng xuất hiện là 68%. Tiếp đến, giai đoạn từ tháng 9-11 và giai đoan tháng 10-12/2025 dự báo ENSO trung tính giảm nhẹ về lần lượt là 49% và 50%, tuy nhiên vẫn ở mức cao hơn trạng thái La-Niña hoặc El-Niño.

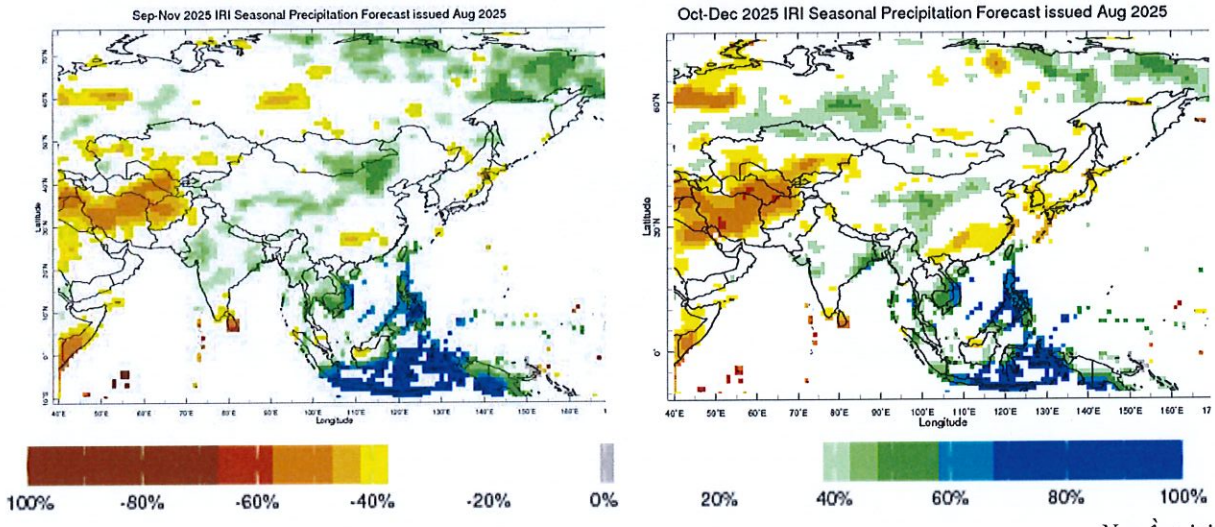

Nguồn: iri

Hình 4: Dự báo khả năng xuất hiện mưa giai đoạn tháng 9-11 và 10-12/2025, cập nhật ngày 15/8

Tính đến 12/9 tổng dung tích nước trữ trên các hồ chứa ở lưu vực Mê Công có khoảng 54,18 tỷ m^3, trong đó các hồ chứa thuộc Trung Quốc có khoảng 20,98 tỷ m^3, các hồ chứa ở hạ lưu vực Mê Công có khoảng 33,20 tỷ m^3. Bình quân cả lưu vực đạt 82,8% tổng dung tích hữu ích của các hồ. Thiếu hụt lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực vào khoảng 11,32 tỷ m^3.

Mực nước Biển hồ Tonle Sap tại Kampong Luong ngày 12/9 ở mức 7,04m tương đương với lượng trữ là 35,9 tỷ m^3.

1.4. Nhận định nguồn nước phục vụ chỉ đạo xuống giống vụ Đông Xuân 2025-2026

Ngoài yếu tố lượng nước thượng nguồn đổ về, mực nước ở ĐBSCL chịu tác động bởi thủy triều biển Đông và Tây. Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Nam Bộ (ngày 9/9/2025), khu vực Nam Bộ, dự báo mưa từ tháng 9-11/2025 phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN, tổng chuẩn lượng sai mưa phổ biến từ 50 đến 150 mm, trong đó: Tháng 9, tổng lượng mưa xấp xỉ đến cao hơn hơn TBNN từ 10-20%, số ngày mưa phổ biến từ 18-23 ngày; Tháng 10, tổng lượng mưa xấp xỉ đến cao hơn hơn TBNN từ 10-20%, số ngày mưa phổ biến từ 15-20 ngày; Tháng 11, tổng lượng mưa xấp xỉ đến cao hơn hơn TBNN từ 5-15%, số ngày mưa phổ biến từ 10-15 ngày.

Nhận định khả năng lũ ở các trạm đầu nguồn năm 2025 tại Tân Châu và Châu Đốc xuất hiện vào cuối Tháng 9 đến đầu Tháng 10 ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN (1996-2024), cụ thể: Mực nước đỉnh lũ chính vụ năm 2025 trên sông Cửu Long đạt từ 3,5-3,7m tại Tân Châu (xấp xỉ hoặc cao hơn BĐI là 0,2m; thấp hơn TBNN (1996-2024) từ 0,15-0,35m; cao hơn năm 2024 từ 0,12-0,32m); đạt khoảng 3,30 - 3,50m tại trạm Châu Đốc (cao hơn mức BĐI từ 0,3- 0,5m; xấp xỉ hoặc thấp hơn cùng kỳ TBNN 0,19 m; cao

hơn đỉnh lũ năm 2024 từ 0,19-0,36m).. **Khu vực trung tâm, đỉnh lũ xuất hiện vào kỳ triều cường ngày 8-11 tháng 10 năm 2025**, đỉnh lũ dự báo đạt khoảng 2,15- 2,25m tại Cần Thơ (lớn hơn đỉnh lũ cùng kỳ TBNN từ 0,15-0,25 m; xấp xỉ đỉnh lũ năm 2024), đạt khoảng 2,05-2,15m tại trạm Mỹ Thuận (lớn hơn cùng kỳ TBNN từ 0,16-0,26m; xấp xỉ hoặc thấp hơn đỉnh lũ năm 2024 0,09m).

- Về thời gian xuất hiện và diễn biến của lũ nội đồng:

+ Vùng Thượng: Đỉnh lũ năm 2025 phổ biến ở mức xấp xỉ và trên mức BĐI, một số trạm dưới mức BĐI. Riêng trạm Long Xuyên tỉnh An Giang mực nước xấp xỉ và trên mức BĐIII. Thời gian đạt đỉnh phổ biến cùng thời gian xuất hiện đỉnh lũ tại Tân Châu và Châu Đốc, một số trạm trễ hơn khoảng 5-7 ngày.

+ Vùng Giữa: Đỉnh lũ năm 2025 phổ biến trên mức BĐIII, một số trạm từ BĐII-BĐIII, Đặc biệt chú ý, **thời gian đạt đỉnh phổ biến rơi vào thời kỳ triều cường cao nhất 6-9/11/2025, một số trạm đỉnh lũ rơi vào thời kỳ chính vụ tháng 10/2025**.

+ Vùng Ven Biển: Đỉnh mực nước lớn nhất năm 2025 các trạm phổ biến trên mức BĐIII, một số trạm từ BĐII-BĐIII, thời gian đạt đỉnh phổ biến rơi vào thời kỳ triều cường cao nhất ngày 6-9/11/2025.

- Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

Đỉnh lũ chính vụ kết hợp triều cường năm 2025 được dự báo ở mức cao nên nhiều ô bao kiểm soát lũ cả năm có nguy cơ bị ảnh hưởng, đặc biệt là khu vực vùng Giữa ĐBSCL. Cụ thể, mức đảm bảo của hệ thống ô bao bờ bao kiểm soát lũ cả năm ứng với mức lũ chính vụ 3,70 m tại Tân Châu kết hợp đỉnh triều 2025 cho thấy, có khoảng 220 ô bao có nguy cơ bị ảnh hưởng, với tổng diện tích khoảng 56.302 ha. Trong đó, TP. Cần Thơ (thống kê trên địa phận TP Cần Thơ cũ và tỉnh Hậu Giang cũ) bị ảnh hưởng nhiều nhất 116 ô bao với tổng diện tích 21.729 ha, tỉnh bị ảnh hưởng ít nhất là tỉnh Tây Ninh có 1 ô bao với diện tích 4.032 ha (khu vực Long An cũ).

Tuy lũ thấp, nhưng mưa đến cuối năm được dự báo ở mức cao hơn TBNN, việc cấp nước cho sản xuất lúa vụ Thu Đông và cây ăn trái vẫn được đảm bảo, một số nơi ở khu vực cao và ít mưa chi phí bơm tưới trong vụ gia tăng.

Lũ thấp lượng phù sa sẽ không nhiều; tuy nhiên, địa phương có thể thực hiện theo kế hoạch xả lũ 3 năm 8 vụ để vệ sinh đồng ruộng.

2. DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ NĂM 2025-2026 VỀ ĐBSCL

Dung tích hiệu dụng các hồ chứa thượng lưu sông Mê Công ước tính khoảng 65 tỷ m^3. Tính đến thời điểm 12/9/2025, tổng dung tích trữ các hồ chứa đạt 54,18 tỷ m^3, đạt 82,8% tổng dung tích trữ. Dự báo, lưu lượng trung bình tại Kratie giai đoạn tháng 11/2025-02/2026 đạt khoảng 5.380 m^3/s, cao hơn thời kỳ năm 2024-2025 khoảng 1,6%. Vào thời kỳ nửa cuối mùa khô 2025-2026 (từ tháng 3-5/2026), lưu lượng trung bình đạt khoảng 4.230 m^3/s, xấp xỉ so với cùng kỳ. Dung tích biển hồ Tonle Sap dự báo dung tích lớn nhất năm 2025-2026 khoảng từ 42-45 tỷ m^3, xấp xỉ hoặc cao hơn năm 2025 khoảng 3 tỷ m^3.

3. KHUYẾN NGHỊ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026

Dự báo khả năng xâm nhập mặn ở ĐBSCL mùa khô 2025-2026 ở mức xấp xỉ TBNN (2013-2025), thấp hơn mùa khô 2024-2025. Cụ thể:

- Vùng các cửa sông Cửu Long:

  - Tháng 11, 12/2025, ranh mặn 4 g/lít ở mức 20-30 km, chưa ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi.
  - Tháng 1, 2/2026, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 40-50 km, tương đương so với TBNN, so với năm 2025 thấp hơn 5-11km so với năm 2020 thấp hơn 12-20km, so với năm 2016 thấp hơn 8-15km.
  - Tháng 3/2026, tùy thuộc vào lượng nước điều tiết từ các hồ chứa ở thượng nguồn sông Mê Công, trường hợp nguồn nước tăng như một số năm gần đây, xâm nhập mặn sẽ giảm; trường hợp nguồn nước không tăng, xâm nhập mặn tiếp tục ở mức như tháng 2/2026.

- Vùng hai sông Vàm Cỏ

  - Tháng 12/2025, 1/2026: ranh mặn 4 g/l ở mức 30-35 km, chưa ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi.
  - Tháng 2/2026, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 50-55 km, xấp xỉ so với TBNN, so với năm 2025 thấp hơn 5-10km, so với năm 2020 thấp hơn 40-45km, so với năm 2016 thấp hơn 33-39km. Nhìn chung, nguồn nước ngọt vẫn xuất hiện ở các vùng từ dưới Tân An trên sông Vàm Cỏ Tây khoảng 15km, và dưới Bến Lức 5-7km trên sông Vàm Cỏ Đông vào kỳ triều thấp.
  - Tháng 3,4/2026, ranh mặn 4g/l có thể lên đến 60-65 km thấp hơn 5-10 km so với TBNN, so với năm 2025 thấp hơn 5-20km, so với năm 2020 thấp hơn 30-60 km, so với năm 2016 thấp hơn 35-40km.
  - Tháng 5/2026, ranh mặn 4g/l từ 50-55km, nữa cuối tháng 5 xâm nhập mặn giảm, một số thời kỳ mặn thấp thuận lợi cho việc lấy nước ngọt.

- Vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn: Cống Cái Lớn – Cái Bé được vận hành nên xâm nhập mặn có kiểm soát.

Theo tính toán dự báo, khả năng nguồn nước cao hơn năm 2024-2025; xâm nhập mặn cũng ở mức thấp hơn năm 2024-2025, các giải pháp ứng phó phục vụ sản xuất, các địa phương có thể áp dụng tương tự cho năm vừa qua, cụ thể, một số điểm quan trọng cần quan tâm:

- Xuống giống sớm vụ Đông Xuân 2025-2026, hoàn thành trong tháng 12, chậm nhất 10/1/2026.

- Các khu vực Ven Biển thực hiện đắp đập tạm, nạo vét kênh sớm trong mùa mưa này để tích trữ nước, điều tiết hợp lý cho sản xuất.

- Khu vực thiếu nước do ảnh hưởng xâm nhập mặn, chủ động trữ nước sớm từ cuối mùa lũ, tháng 11, đặc biệt vào kỳ triều cường cao.

- Các HTTL khép kín như Gò Công, Nam Mang Thít, Nhật Tảo – Tân Trụ, Long Phú – Tiếp Nhật cần phải theo dõi chặt chẽ diễn biến mặn, đóng các cửa cống từ phí biển lên thượng lưu từ tháng 11/2025 – sau khi lũ rút; tăng cường nạo vét kênh mương

nâng cao khả năng trữ và điều tiết nguồn nước.

- Vùng HTTL Quản Lộ Phụng Hiệp, Cái Lớn – Cái Bé: xây dựng kế hoạch vận hành công trình để đảm bảo nguồn nước mặn, ngọt hợp lý cho các đối tượng sử dụng nước.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước mùa khô năm 2025-2026 ở điều kiện tương tựnhư ở năm 2024-2025, đảm bảo sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch. Tuy nhiên, dòng chảy về phụ thuộc vào vận hành của các thủy thủy điện trên lưu vực, điều tiết biển hồ hết sớm hơn đến nửa tháng, vì vậy cần có kế hoạch chủ động tích trữ nước ngay từ đầu mùa khô và vận hành hệ thống công trình hợp lý, chuẩn bị các giải pháp ứng phó ngay từ đầu mùa khô, bố trí sản xuất sớm, hoàn thành trước 10/1/2026. Đồng thời tăng cường công tác giám sát độ mặn, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước.

Thông tin dự báo mùa tiếp tục được cập nhật trong tháng 10 khi lũ về đạt đỉnh với độ tin cậy hơn để phục vụ các địa phương chủ động các giải pháp đảm bảo an toàn cho sản xuất, xây dựng kế hoạch vận hành các cửa cống. Các địa phương thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo nguồn nước do các đơn vị khoa học thuộc Bộ cung cấp.

VIỆN KHOA HỌC THUỶ LỢI MIỀN NAM
VIỆN TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Nghĩa Hùng